

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 105/2018/DS-PT

Ngày: 30 - 5 - 2018

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Lập

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Văn Yên

Ông Đỗ Cao Khánh

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Len là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuý Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2018/TLPT- DS ngày 07 tháng 3 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2018/DS-ST ngày 25 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 83/2018/QĐPT-DS ngày 09 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thanh H1 – sinh năm 1985. (Vắng mặt); Địa chỉ: Số 300, Kha Vạn Cân, Phường 5 quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh; Tạm trú: Số 405/29, đường Trường Trinh, Phường 14, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện hợp pháp theo ủy quyền của chị H1: Bà Lê Thị Bảo Ch, sinh năm 1974. Địa chỉ: Phường A, thành phố C (Có mặt).

- *Bị đơn:* Chị Trương Thu H2 – sinh năm 1972 (Có mặt)

Địa chỉ: Xã T, thành phố C, tỉnh C

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Anh Hoàng Văn T - sinh năm 1969. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Xã T, thành phố C, tỉnh C

Tạm trú: Xã Nh, huyện N, tỉnh N.

- *Người kháng cáo:* Chị Nguyễn Thanh H1 là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thanh H1 trình bày:

Trước đây chị H1 có cho chị H2 vay tiền nhiều lần với tổng số tiền 1.090.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 2%/tháng, cụ thể:

Lần thứ 1: Ngày 28/6/2010 vay 200.000.000 đồng.

Lần thứ 2: Ngày 15/7/2010 vay 50.000.000 đồng.
Lần thứ 3: Ngày 07/8/2010 vay 20.000.000 đồng.
Lần thứ 4: Ngày 28/7/2010 vay 100.000.000 đồng.
Lần thứ 5: Ngày 21/7/2010 vay 40.000.000 đồng.
Lần thứ 6: Ngày 21/7/2010 vay 10.000.000 đồng.
Lần thứ 7: Ngày 01/9/2010 vay 150.000.000 đồng.
Lần thứ 8: Ngày 20/8/2010 vay 100.000.000 đồng.
Lần thứ 9: Ngày 28/12/2010 vay 420.000.000 đồng.

Quá trình vay, chị H2 đóng lãi được 04 lần (từ 28/6/2010 đến 28/10/2010), hình thức đóng lãi là trực tiếp đóng cho chị H1 và có gửi qua đường bưu điện.

Khi vay tiền chị H2 có giao cho chị H1 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 01 giấy số AC 916678 do ông Hoàng Văn T và bà Đinh Thị Th đứng tên, 01 giấy số H 139243 do Võ Văn D đứng tên; 01 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất do ông Cao Văn M và bà Tô Xiếu Hòn chuyển nhượng cho Hoàng Văn T và Trương Thu H2 đứng tên. Việc giao giấy không qua công chứng, chứng thực. Từ khi vay đến nay, chị H2 vẫn chưa thanh toán khoản vốn nào cho chị H1; do đó, chị H1 yêu cầu chị H2 thanh toán số tiền vốn 1.090.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật.

Ngày 01/9/2017, chị H1 có đơn khởi kiện bổ sung, yêu cầu chị H2 thanh toán số tiền vốn 173.000.000 đồng, hình thức vay gửi qua đường bưu điện, cụ thể:

Lần thứ 1: Ngày 15/7/2010 số tiền 42.500.000 đồng.
Lần thứ 2: Ngày 21/7/2010 số tiền 32.600.000 đồng.
Lần thứ 3: Ngày 03/8/2010 số tiền 8.100.000 đồng.
Lần thứ 4: Ngày 08/8/2010 số tiền 13.900.00 đồng.
Lần thứ 5: Ngày 21/08/2010 số tiền 75.900.000 đồng.

Đồng thời chị H1 yêu cầu tiền lãi phát sinh tính từ ngày gửi đầu tiên, ngày 15/7/2010 cho đến nay theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện cho nguyên đơn xác định yêu cầu đối với phần vốn gồm 1.090.000.000 đồng theo Giấy vay mượn và 173.000.000 đồng gửi qua đường bưu điện. Thời gian tính lãi trên tổng số tiền từ ngày 01/01/2011 theo mức lãi suất theo quy định Nhà nước, cụ thể là 1.125%/ tháng cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Bị đơn chị Trương Thu H2 trình bày:

Chị H2 có thừa nhận vay tiền của chị H1 các lần như sau:

Lần thứ 1: Ngày 28/6/2010 vay 200.000.000 đồng, lãi suất 8%/tháng; chị nhận 184.000.000 đồng, còn lại 16.000.000 đồng trừ tiền lãi đóng đầu tháng.

Lần thứ 2: Ngày 15/7/2010 vay 50.000.000 đồng có biên nhận, lãi suất 15%/tháng; chị nhận 42.500.000 đồng, còn lại 7.500.000 đồng trừ tiền lãi đóng đầu tháng.

Lần thứ 3: Ngày 21/7/2010 vay 40.000.000 đồng có biên nhận, lãi suất 18%/tháng; chị nhận 32.800.000 đồng, còn lại 7.200.000 đồng trừ tiền lãi đóng đầu tháng.

Lần thứ 4: Ngày 28/7/2010 vay 100.000.000 đồng, lãi suất 10%/ tháng; chị nhận 90.000.000 đồng, còn lại 10.000.000 đồng trừ tiền lãi đóng đầu tháng; chị H2

có giao cho chị H1 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Trương Thu H2 và Ngô Thu Hà.

Lần thứ 5: Ngày 07/8/2010 vay 20.000.000 đồng có biên nhận, lãi suất 30%/tháng; chị nhận 14.000.000 đồng, còn lại 6.000.000 đồng trừ tiền lãi đóng đầu tháng.

Lần thứ 6: Ngày 20/8/2010 vay 10.000.000 đồng, lãi suất 18%/tháng; chị nhận 8.200.000 đồng, còn lại 1.800.000 đồng trừ tiền đóng lãi đầu tháng. Cùng ngày 20/8/2010 vay 100.000.000 đồng, lãi suất 25%/tháng; chị nhận 75.000.000 đồng, còn lại 25.000.000 đồng trừ tiền đóng lãi đầu tháng; chị H2 có thể chấp cho chị H1 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Hoàng Văn T sang nhượng của ông Dân.

Lần thứ 7: Ngày 01/9/2010 vay 100.000.000 đồng, lãi suất 15%/tháng; chị nhận 85.000.000 đồng, còn lại 15.000.000 đồng trừ tiền đóng lãi đầu tháng.

Lần thứ 8: Ngày 01/9/2010 vay 50.000.000 đồng, lãi suất 30%/tháng; chị nhận 35.000.000 đồng, còn lại 15.000.000 đồng trừ tiền đóng lãi đầu tháng.

Tổng số tiền vay 08 lần là 670.000.000 đồng.

Trong quá trình vay, chị H2 có gửi tiền đóng lãi cho chị H1 qua đường bưu điện 29 lần với số tiền 303.900.000 đồng và chị trực tiếp đóng cho chị H1 5 lần với tiền 192.000.000 đồng.

Vào ngày 04/6/2011 chị và chị H1 có thỏa thuận chị chuyển nhượng cho chị H1 một phần đất ngang 05m dài 36m, tọa lạc tại phường 6, thành phố Cà Mau với giá trị là 680.000.000 đồng; chị H1 sẽ trả lại số giấy tờ đất chị giao cho chị H1 và 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Hoàng Văn T và bà Đinh Thị Th đứng tên mà chị đã giao cho chị H1 đảm bảo việc đóng lãi.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị H2 thống nhất phần đất chuyển nhượng cho chị H1 giá 50.000.000 đồng theo hợp đồng chuyển nhượng với chị H1 để trừ vào số tiền lãi.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2018/DS-ST ngày 25 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau quyết định:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thanh H1 buộc chị Trương Thu H2 thanh toán cho chị H1 số tiền vay là 242.491.400 đồng (*Hai trăm bốn mươi hai triệu, bốn trăm chín mươi một nghìn, bốn trăm đồng*). (Trong đó vốn là 124.100.000 đồng, lãi 118.391.400 đồng).

Không chấp nhận yêu cầu của chị H1 số tiền 593.000.000 đồng. (*Năm trăm chín mươi ba triệu đồng chẵn*).

Buộc chị Nguyễn Thanh H có nghĩa vụ hoàn trả cho chị Trương Thu H2 và anh Hoàng Văn T các giấy tờ gồm:

- 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 916678 do anh Hoàng Văn T và chị Đinh Thị Th đứng tên được UBND TP Cà Mau cấp ngày 12/8/2005.

- 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 139243 do ông Võ Văn D đứng tên được UBND TP Cà Mau cấp ngày 10/8/1996 đã chuyển quyền sử dụng đất cho anh Hoàng Văn T ngày 12/8/2005.

- 01 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng ông Cao Văn M và bà Tô Xiêu H với vợ chồng anh Hoàng Văn T và chị Trương Thu Hằng được thiết lập có chứng thực của UBND xã Tắc Vân ngày 21/01/2008.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi suất chậm trả và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 07/02/2018, chị Nguyễn Thanh H1 có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét buộc chị H2 trả số tiền vốn 420.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 28/12/2010 al và số tiền vốn 173.000.000 đồng nhận của 05 lần gửi tiền qua bưu điện; xem xét lại số tiền chuyển nhượng đất 50.000.000 đồng chị thanh toán tiền mặt cho chị H2 ; tính lại lãi của số tiền vay theo từng lần vay; xem xét anh T là người có liên quan đối với số tiền chị H2 nợ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện hợp pháp theo uỷ quyền của chị H1 rút phần kháng cáo đối với số tiền chuyển nhượng đất 50.000.000 đồng thanh toán tiền mặt; các nội dung còn lại giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án, của Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Về nội dung: Đối với phần kháng cáo số tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất 50.000.000 đồng, tại phiên tòa đại diện hợp pháp của nguyên đơn rút phần kháng cáo này, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ. Đối với các nội dung kháng cáo còn lại, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Chấp nhận một phần kháng cáo của chị Nguyễn Thanh H1 , sửa một phần bản án sơ thẩm về phần lãi suất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của chị Nguyễn Thanh H1 , xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án, chị H2 thừa nhận việc vay tiền của chị H1 nhưng các bên không thống nhất với nhau về số tiền vốn vay ban đầu. Chị H1 xác định tổng số tiền chị H2 vay là 1.263.000.000 đồng (gồm 09 lần vay theo giấy vay mượn 1.090.000.000 đồng và 05 lần vay theo giấy nhận tiền chuyển qua đường bưu điện 173.000.000 đồng). Chị H2 xác định vay của chị H1 số tiền 670.000.000 đồng (gồm 08 lần vay), còn số tiền 420.000.000 đồng theo giấy vay mượn ngày 28/12/2010 chị H2 không thừa nhận, cho là tiền lãi; đối với số tiền 173.000.000 đồng nhận qua đường bưu điện, chị H2 cho rằng số tiền này nằm trong số tiền vay của 08 lần vay nêu trên, sau khi chị H1 trừ tiền lãi phải đóng trước, số tiền còn lại chị H1 chuyển cho chị H2 . Ngoài số tiền vốn vay, chị H1 và chị H2 còn không thống nhất nhau về việc thanh toán đối với số tiền 50.000.000 đồng tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất: Chị H1 xác định thanh toán tiền mặt cho chị H2 ; chị H2 xác định chị H1 trừ vào tiền chị H2 thanh toán lãi chứ không thanh toán tiền mặt.

[2] Qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện: Theo trình bày của chị H1 xác định từ ngày 20/12/2010 chị H2 mất khả năng thanh toán vốn và lãi cho chị H1 , thì không có lý do gì đến 28/12/2010 al (ngày 31/01/2011 dương lịch) chị H1 tiếp tục cho chị H2 vay thêm số tiền 420.000.000 đồng; đồng

thời chị H1 cũng xác định thời gian cho chị H2 vay tiền từ tháng 6 đến tháng 9 năm 2010. Như vậy, lời trình bày của chị H1 mâu thuẫn với chứng cứ chị H2 vay số tiền 420.000.000 đồng vào ngày 28/12/2010 al; đồng thời, tại biên bản tranh chấp nợ tiền vay mượn quá hạn vào ngày 14/12/2011, tại Ban nhân dân ấp 1, xã Tắc Vân, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, giữa chị H1 và chị H2 cùng ký tên có nội dung số tiền vốn 670.000.000 đồng. Tại giấy đóng lãi lập ngày 04/6/2011 có chữ ký xác nhận của chị H1 thì không đề cập đến biên nhận ngày 28/12/2010 al, chỉ thể hiện số tiền vốn chị H2 vay 670.000.000 đồng. Do đó, có cơ sở xác định đến ngày 20/12/2010 chị H2 mất khả năng thanh toán nợ và số vốn hai bên thống nhất số tiền 670.000.000 đồng. Như vậy, có căn cứ chứng minh chị H2 không có vay của chị H1 số tiền 420.000.000 đồng theo giấy vay mượn ngày 28/12/2010, nên yêu cầu của chị H1 đối với số tiền này không có cơ sở chấp nhận.

[3] Đối với số tiền 173.000.000 đồng chị H2 nhận từ việc gửi qua đường bưu điện thể hiện qua 05 biên nhận thấy rằng:

Biên nhận gửi tiền ngày 15/7/2010 số tiền gửi 42.500.000 đồng; qua đối chiếu giấy vay mượn số tiền 50.000.000 đồng ngày 15/7/2010, phù hợp với lời trình bày của chị H2 tại phiên tòa, cụ thể chị H2 khi vay có nhận qua đường bưu điện và nhận trực tiếp với nhau cụ thể của 08 biên nhận nợ này, ngoài ra không có vay lần nào khác. Đối với biên nhận gửi qua đường bưu điện số tiền 42.500.000 đồng vào ngày 15/7/2010 là cùng với giấy vay mượn ngày 15/7/2010 với số tiền 50.000.000 đồng, chị lý giải rằng chị H1 tính với lãi suất 15%/tháng nhân với số tiền 50.000.000 đồng, thì chị nhận được 42.500.000 đồng, chị H1 gửi qua đường bưu điện, đã trừ số tiền chị phải đóng lãi tháng đầu là 7.500.000 đồng, nên giấy chuyển tiền chị thực nhận là 42.500.000 đồng, giấy vay mượn chị ký là 50.000.000 đồng, nên biên nhận gửi tiền và giấy vay mượn là cùng ngày của một lần vay.

Giấy biên nhận gửi tiền ngày 21/8/2010 chị H2 có ký vào giấy vay mượn 100.000.000 đồng, lãi suất 25%/tháng. Chị H2 nhận 75.900.000 đồng, vào ngày 21/8/2010 theo giấy biên nhận gửi tiền, số tiền còn lại 25.000.000 đồng đóng lãi tháng đầu cho chị H1. Nên biên nhận gửi tiền và giấy vay mượn là một lần vay số tiền 100.000.000 đồng. Trong số tiền 75.900.000 đồng, có 900.000 đồng là tiền chị H1 gửi mua tôm khô.

Tương tự, chị H2 có ký vào giấy vay mượn là 10.000.000 đồng, lãi suất 18%/tháng. Chị H2 nhận 8.200.000 đồng vào ngày 03/8/2010 theo biên nhận gửi tiền, số tiền còn lại 1.800.000 đồng đóng lãi tháng đầu cho chị H1. Nên biên nhận gửi tiền và giấy vay mượn là một lần vay là 10.000.000 đồng.

Tương tự với các biên nhận gửi tiền chị H2 xác định vay với lãi suất từ 8% đến 30% là phù hợp với các biên nhận gửi tiền và giấy vay mượn là cùng một nội dung của 08 tờ vay mượn.

Như vậy, có căn cứ chứng minh số tiền chị H2 đã nhận 173.000.000 đồng gửi qua đường bưu điện nằm trong số tiền vốn 670.000.000 đồng của 08 giấy vay mượn như chị H2 trình bày. Do đó, yêu cầu của chị H1 đối với số tiền 173.000.000 này là không có cơ sở chấp nhận.

[4] Từ những căn cứ trên, có cơ sở kết luận tổng số tiền vốn chị H2 vay của chị H1 là 670.000.000 đồng.

[5] Đối với số tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất 50.000.000 đồng, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà trước đây, chị H1 xác định có ký tên vào Giấy đóng lãi ngày 04/6/2011 (có nội dung trừ đất) và tại phiên toà phúc thẩm ngày 25/01/2013 chị H1 xác nhận không có chứng cứ đã trả cho chị H2 số tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất 50.000.000 đồng. Do đó, lời trình bày của chị H1 cho rằng số tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất 50.000.000 đồng chị trả tiền mặt cho chị H2 là không có căn cứ. Tuy nhiên, tại phiên toà phúc thẩm đại diện hợp pháp theo uỷ quyền của nguyên đơn rút lại phần kháng cáo này nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo này.

[6] Như vậy, số tiền lãi chị H2 đã thanh toán cho chị H1 được các bên thống nhất gồm: Gửi trực tiếp 192.000.000 đồng, gửi bưu điện 303.900.000 đồng, tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất 50.000.000 đồng; tổng số tiền bằng 545.900.000 đồng.

[7] Về lãi suất: Theo biên bản phiên toà ngày 25/01/2018, đại diện nguyên đơn yêu cầu thời gian tính lãi trên tổng số tiền từ ngày 01/01/2011 đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất 1,125%/tháng; nhưng bản án sơ thẩm cho rằng đại diện nguyên đơn yêu cầu thời gian tính lãi từ ngày 01/01/2011 theo mức lãi suất 1,125%/tháng đến ngày xét xử sơ thẩm sau khi đối trừ phần tiền chị H2 đã thanh toán lãi. Do bản án sơ thẩm xác định không đúng yêu cầu của đại diện nguyên đơn, dẫn đến việc tính lãi suất không đúng làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn; nên kháng cáo của nguyên đơn yêu cầu tính lại phần lãi suất là có căn cứ, được chấp nhận.

Tại phiên toà phúc thẩm, đại diện nguyên đơn, bị đơn thống nhất thời gian tính lãi từ ngày 01/01/2011 đến ngày xét xử sơ thẩm (25/01/2018), thời gian 84 tháng 24 ngày.

Như vậy, số tiền lãi chị H2 phải thanh toán cho chị H1 là: $670.000.000 \text{ đồng} \times 1,125\%/\text{tháng} \times 84 \text{ tháng} 24 \text{ ngày} = 639.180.000 \text{ đồng}$. Đối trừ số tiền lãi chị H2 đã thanh toán 545.900.000 đồng, chị H2 còn phải thanh toán tiếp số tiền lãi cho chị H1 là: $639.180.000 \text{ đồng} - 545.900.000 \text{ đồng} = 93.280.000 \text{ đồng}$.

Tổng cộng vốn, lãi chị H2 phải thanh toán cho chị H1 là 763.280.000 đồng (vốn 670.000.000 đồng, lãi 93.280.000 đồng).

[8] Đối với anh T (chồng chị H2), tại đơn khởi kiện của chị H1 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như qua các lần xét xử, chị H1 chỉ yêu cầu chị H2 thanh toán nợ cho chị, không có yêu cầu gì đối với anh T. Hơn nữa, chị H2 cũng xác định anh T không ký tên trong các giấy vay mượn mà do chị ký thay cho anh T, chị H2 đồng ý chịu trách nhiệm trả nợ cho chị H1. Án sơ thẩm buộc chị H2 có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ cho chị H1 là phù hợp. Do đó, kháng cáo của chị H1 yêu cầu xem xét anh T là người có liên quan đối với số tiền chị H2 nợ cũng như yêu cầu của đại diện nguyên đơn yêu cầu ngừng phiên toà để giám định chữ ký của anh T trên các giấy vay mượn tiền là không được chấp nhận.

[9] Đối với số tiền chị H2 cho rằng đóng lãi cho chị H1 103.000.000 đồng (trừ lãi đầu tháng), tại phiên toà chị H2 không đặt ra yêu cầu gì đối với số tiền này, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[10] Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của chị H1, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 16/2018/DS-ST ngày 25 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau là có căn cứ.

[11] Án phí dân sự sơ thẩm chị H2, chị H1 phải chịu theo quy định pháp luật.

Án phí dân sự phúc thẩm chị H1 không phải chịu, đã dự nộp được nhận lại.

[12] Những quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không giải quyết; có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 289; khoản 2 Điều 308; Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của chị H1 yêu cầu xem xét lại số tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất 50.000.000 đồng, chị thanh toán tiền mặt cho chị H2.

Chấp nhận một phần kháng cáo của chị Nguyễn Thanh H1.

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 16/2018/DS-ST ngày 25 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Áp dụng các Điều 471, 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005;

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thanh H1. Buộc chị Trương Thu H2 trả cho chị H1 số tiền 763.280.000 đồng (Bảy trăm sáu mươi ba triệu, hai trăm tám mươi ngàn đồng), (trong đó tiền vốn 670.000.000 đồng, tiền lãi 93.280.000 đồng).

Không chấp nhận một phần yêu cầu của chị H1 yêu cầu chị H2 trả cho chị H1 số tiền 593.000.000 đồng (Năm trăm chín mươi ba triệu đồng chẵn).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trương Thu H2 phải chịu 34.531.200 đồng; ngày 07/5/2014 chị H2 đã nộp án phí 12.416.000 đồng, đối trừ chị H2 còn phải nộp tiếp 22.115.200 đồng.

Chị Nguyễn Thanh H1 phải chịu 27.720.000 đồng; ngày 03/01/2012 chị H1 đã dự nộp 22.350.000 đồng biên lai thu số 002520 và ngày 13/9/2017 chị H1 đã dự nộp 4.325.000 đồng biên lai thu số 0003646, đối trừ chị H1 còn phải nộp tiếp 1.045.000 đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm: Chị Nguyễn Thanh H1 không phải chịu. Ngày 07/02/2018 ông Võ Thanh T là người đại diện theo ủy quyền của chị H1 đã dự nộp 300.000 đồng biên lai thu số 0000347 được nhận lại.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Lập